

Số: /QĐ-UBND Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới Nam Đồng Nấn 3, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4542/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4655/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới Nam Đồng Nấn 3, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 327/TTr-BQLDA ngày 22/6/2022 về việc đính chính một số nội dung Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới Nam Đồng Năn 3, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới Nam Đồng Năn 3, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, cụ thể như sau:

1. Nội dung đính chính

1.1. Đính chính nội dung tại điểm 1.2, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022:

”Diện tích lập quy hoạch: 8,91ha.”

Nay đính chính như sau:

”Diện tích lập quy hoạch: 9,07ha.”

1.2. Đính chính nội dung tại khoản 4, Điều 1 Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022:

”4. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Phân loại đất	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao	HSSDDĐ (lần)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở mới		333	37.779,10				42,39
I.1	Đất ở tái định cư	TDC	6	711,00	70-90%	3-5	2,1-4,5	0,80
I.2	Đất ở liền kề	LK	308	31.618,60	70-100%	3-5	2,1-5,0	35,48
1	Đất ở liền kề A	LK-A	44	4.950,30				
2	Đất ở liền kề B	LK-B	26	2.865,50				
3	Đất ở liền kề C	LK-C	28	2.960,50				
4	Đất ở liền kề D	LK-D	56	5.630,50				
5	Đất ở liền kề E	LK-E	54	5.273,10				
6	Đất ở liền kề F	LK-F	26	2.683,00				
7	Đất ở liền kề G	LK-G	26	2.610,00				
8	Đất ở liền kề H	LK-H	28	2.746,70				
9	Đất ở liền kề I	LK-I	20	1.899,00				
I.3	Đất ở biệt thự	BT	19	5.449,50	50-70%	2-4	1,0-2,8	6,12
1	Đất ở biệt thự A	BT-A	12	3.540,20				
2	Đất ở biệt thự B	BT-B	7	1.909,30				
II	Đất nhà văn hóa	NVH		771,00	30-40%	1-2	0,3-0,8	0,87
III	Đất cây xanh khu ở	CX		5.005,20	5-10%		0,05-0,1	5,62
IV	Đất giao thông			45.557,00				51,12

STT	Phân loại đất	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao	HSSDDĐ (lần)	Tỷ lệ (%)
1	Đất giao thông nội khu			41.687,20				46,78
2	Bãi đỗ xe	P	2	3.869,80				4,34
	Tổng cộng			89.112,30				100,00

Nay đính chính như sau:

"4. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Phân loại đất	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao	HSSDDĐ (lần)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở mới		333	37.779,10				41,66
I.1	Đất ở tái định cư	TDC	6	711,00	70-90%	3-5	2,1-4,5	0,78
I.2	Đất ở liền kề	LK	308	31.618,60	70-100%	3-5	2,1-5,0	34,87
1	Đất ở liền kề A	LK-A	44	4.950,30				
2	Đất ở liền kề B	LK-B	26	2.865,50				
3	Đất ở liền kề C	LK-C	28	2.960,50				
4	Đất ở liền kề D	LK-D	56	5.630,50				
5	Đất ở liền kề E	LK-E	54	5.273,10				
6	Đất ở liền kề F	LK-F	26	2.683,00				
7	Đất ở liền kề G	LK-G	26	2.610,00				
8	Đất ở liền kề H	LK-H	28	2.746,70				
9	Đất ở liền kề I	LK-I	20	1.899,00				
I.3	Đất ở biệt thự	BT	19	5.449,50	50-70%	2-4	1,0-2,8	6,01
1	Đất ở biệt thự A	BT-A	12	3.540,20				
2	Đất ở biệt thự B	BT-B	7	1.909,30				
II	Đất nhà văn hóa	NVH		771,00	30-40%	1-2	0,3-0,8	0,85
III	Đất cây xanh khu ở	CX		5.005,20	5-10%		0,05-0,1	5,52
IV	Đất giao thông			47.124,90				51,97
1	Đất giao thông nội khu			43.255,10				47,70
2	Bãi đỗ xe	P	2	3.869,80				4,27
	Tổng cộng			90.680,19				100,00

1.3. Đính chính nội dung tại điểm 5.2, khoản 5, Điều 1 Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022:

“Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật: Bao gồm giao đất giao thông nội khu, đất bãi đỗ xe và đất trạm xử lý nước thải cho khu đô thị. Tổng diện tích 45.585,9m², bao gồm: Đất giao thông nội khu có tổng diện tích 41.687,2m²; Đất bãi đỗ xe (ký hiệu P) có tổng diện tích 3.869,8m² (chỉ tiêu 2,91m²/người).”

Nay đính chính như sau:

“Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật: Bao gồm giao đất giao thông nội khu, đất bãi đỗ xe và đất trạm xử lý nước thải cho khu đô thị. Tổng diện tích

47.124,9m², bao gồm: Đất giao thông nội khu có tổng diện tích 43.255,1m²; Đất bãi đỗ xe (ký hiệu P) có tổng diện tích 3.869,8m² (chỉ tiêu 2,91m²/người).”

1.4. Đính chính điểm a, khoản 6, Điều 1 Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022:

“Mặt cắt 2-2: Lộ giới 17,5m; Mặt đường 10,5m; vỉa hè 5,0x2,0= 10,0m.”

Nay đính chính như sau:

“Mặt cắt 2-2: Lộ giới 17,5m; Mặt đường 7,5m; vỉa hè 5,0x2,0= 10,0m.”

2. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới Nam Đồng Nãi 3, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện; Chủ tịch UBND thị trấn Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Minh Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND thị trấn Triệu Sơn và xã Minh Sơn;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính